

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Quốc C, sinh năm 1962.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Đường T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ liên lạc: Đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc C và Bà Lê Thị H sau thời gian tìm hiểu 01 năm, đến ngày 27/02/2009 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường T, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau đó chuyển về đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không hòa hợp được về tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên ông C, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung đăng ký khai sinh tên Trần Quốc T, sinh ngày 06/6/2003, Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 09/7/2006 và Trần Duy Quốc B, sinh ngày 01/01/2017. Hiện nay cháu T và cháu H đang sống cùng ông Trần Quốc C, còn cháu B đang sống với bà Lê Thị H. Nay hai bên thỏa thuận giao hai cháu Trần Quốc T và Trần Thị Cẩm H cho ông Trần Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Duy Quốc B cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Trần Quốc T và Trần Thị Cẩm H. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Duy Quốc B mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu B trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông C và bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002160 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần Quốc C và Bà Lê Thị H đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành (Ngày 9/03/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc C và Bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung, đăng ký khai sinh tên Trần Quốc T, sinh ngày 06/6/2003, Trần Thị Cẩm H, sinh ngày 09/7/2006 và Trần Duy Quốc B, sinh ngày 01/01/2017. Hiện cháu T và cháu H đang sống cùng ông Trần Quốc C, cháu B đang sống với bà Lê Thị H. Hai bên thoả thuận giao hai cháu Trần Quốc T và Trần Thị Cẩm H cho ông Trần Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Duy Quốc B cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu Trần Quốc T và Trần Thị Cẩm H. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng cháu Trần Duy Quốc B mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu B trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H, mỗi người phải

chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông C và bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002160 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông Trần Quốc C và bà Lê Thị H đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường V, thành phố H;
- (Ông C và bà H ĐKKH số 10, quyển số 01/2009 ngày 27/02/2009)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Phương Dung**